

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XXXIX

### Phẩm 13: KIÊU TRẦN NHƯ 1

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Kiêu-trần-như:

–Sắc là vô thường, do diệt sắc này nên được sắc giải thoát thường trụ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là vô thường, do diệt thức này nên được thức giải thoát thường trụ.

Này Kiêu-trần-như! Sắc tức là khổ, do diệt sắc này mà được sắc giải thoát an lạc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiêu-trần-như! Sắc tức là không, do diệt sắc không này mà được sắc giải thoát phi không. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiêu-trần-như! Sắc là vô ngã, do diệt sắc này nên được sắc giải thoát chân ngã. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiêu-trần-như! Sắc là bất tịnh, do diệt sắc này mà được sắc giải thoát thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức, cũng như vậy.

Này Kiêu-trần-như! Sắc là tướng của sinh, già, bệnh, chết, do diệt sắc này nên được sắc giải thoát chẳng phải tướng sinh, già, bệnh, chết. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiêu-trần-như! Sắc là nhân của vô minh, do diệt sắc này nên được sắc giải thoát chẳng phải nhân của vô minh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiêu-trần-như! Cho đến sắc là nhân của sinh, do diệt sắc này nên được sắc giải thoát chẳng phải nhân của sinh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiêu-trần-như! Sắc là nhân của bốn điên đảo, do diệt sắc điên đảo nên được sắc giải thoát chẳng phải nhân của bốn điên đảo.

Thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc là nhân của vô lượng pháp ác, như thân nam, thân nữ v.v..., tham ăn, ái dục, tham, sân, ganh ghét, tâm ác, tâm bồn sển, đoàn thực, thức thực, tư thực, xúc thực, noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, năm dục, năm cái v.v.... Các pháp như vậy đều là do nơi sắc, do diệt sắc này nên được sắc giải thoát không có vô lượng sắc ác như vậy. Thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc là ràng buộc, do diệt sắc ràng buộc này nên được sắc giải thoát không ràng buộc. Thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc là lưu chuyển, do diệt sắc lưu chuyển nên được sắc giải thoát chẳng phải lưu chuyển. Thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc chẳng phải là chỗ trở về, do diệt sắc này mà được sắc giải thoát, là chỗ trở về. Thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc là ghê lở, do diệt sắc này nên được sắc giải thoát chẳng phải ghê lở. Thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc chẳng phải là tịch tĩnh, do diệt sắc này nên được sắc Niết-bàn tịch tĩnh. Thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Người nào có thể biết được như vậy thì được gọi là Sa-môn, là Bà-la-môn, đầy đủ pháp Sa-môn, Bà-la-môn.

Này Kiều-trần-như! Nếu lìa pháp Phật thì không có Sa-môn và Bà-la-môn. Tất cả hàng ngoại đạo đối trá tự xưng đều là không có hạnh chân thật. Tuy họ tướng có hai bậc này nhưng thật ra không có. Vì sao? Vì nếu không có pháp Sa-môn, Bà-la-môn thì làm sao nói có Sa-môn, Bà-la-môn! Ta thường ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử. Các ông cũng nên ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử.

Lúc ấy, có vô lượng người của hàng ngoại đạo nghe lời ấy rồi sinh tâm giận dữ bảo: “Sa-môn Cù-đàm nói trong chúng ta không có Sa-môn và Bà-la-môn, cũng không có pháp Sa-môn và Bà-la-môn.

Chúng ta phải làm thế nào tìm cách nói với Cù-đàm rằng chúng ta cũng có Sa-môn, cũng có pháp Sa-môn, cũng có Bà-la-môn, cũng có pháp Bà-la-môn”. Bấy giờ trong chúng ấy có một Phạm chí xướng lên rằng: “Thưa các nhân giả! Lời nói của Cù-đàm như điên cuồng cần gì phải bận tâm! Người điên cuồng ở thế gian hoặc có lúc ca, hoặc múa, hoặc khóc, hoặc cười, hoặc khen, không thể phân biệt kẻ oán, người thân. Sa-môn Cù-đàm cũng như vậy, hoặc có lúc nói Ta sinh trong cung vua Tịnh Phạn, hoặc nói không sinh; hoặc nói sau khi sinh đi bảy bước, hoặc nói không đi; hoặc nói từ nhỏ đã học tập các việc thế gian, hoặc nói Ta là bậc Nhất thiết trí; hoặc có lúc trong cung hưởng lạc sinh con, hoặc có lúc nhàm chán chê trách là xấu xa, ti tiện; hoặc có lúc tự thân tu khổ hạnh sáu năm, có lúc chê trách ngoại đạo khổ hạnh. Hoặc nói là theo học với các vị Uất-đầu-lam-phất, A-la-la điều chưa được nghe, hoặc có lúc cho rằng những vị ấy không có sự hiểu biết, hoặc có lúc nói thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng dưới cội Bồ-đề, hoặc có lúc Ta không đến dưới cội Bồ-đề, không có chứng đắc; hoặc nói thân Ta nay chính không có chứng đắc, hoặc nói thân Ta nay chính là Niết-bàn, hoặc nói thân diệt mới là Niết-bàn. Lời nói của Cù-đàm như điên cuồng không khác. Vậy vì sao phải vì những lời này mà lo buồn?”.

Các Bà-la-môn liền thưa: “Thưa Đại sĩ! Chúng tôi nay không lo buồn sao được! Sa-môn Cù-đàm xuất gia trước rồi, nói các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã. Các đệ tử của chúng ta nghe lời ấy rồi sinh sợ hãi, thì tại sao chúng sinh vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, mà không thọ nhận những lời này. Nay Sa-môn Cù-đàm lại đến rừng Ta-la này, vì đại chúng nói về các pháp là thường, lạc, ngã, tịnh. Các đệ tử của chúng ta nghe lời này rồi đều bỏ chúng ta mà đi theo lời dạy của Cù-đàm. Vì lý do này nên sinh buồn khổ lớn”. Bấy giờ lại có một Bà-la-môn nói lời như vậy: “Thưa các nhân giả! Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe! Sa-môn Cù-đàm gọi là tu từ bi, lời nói này là giả dối chẳng phải chân thật. Nếu có từ bi vì sao lại thuyết phục đệ tử của chúng ta thọ nhận pháp của ông ta. Từ bi là tùy thuận theo ý của người khác. Nay đã làm trái với ý nguyện của chúng ta thì sao gọi là có từ bi. Nếu có người nói rằng Sa-môn Cù-đàm không

bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm thì cũng là hư dối. Nếu nói là Sa-môn Cù-đàm ít muốn, biết đủ thì nay sao lại chiếm đoạt lợi ích của chúng ta, nếu cho rằng dòng họ là cao quý cũng là hư dối. Vì sao? Vì từ xưa đến nay không thấy, không nghe sư tử chúa tàn hại con chuột bé nhỏ. Nếu Sa-môn Cù-đàm đầy đủ thế lực lớn cũng là hư dối. Vì sao? Vì từ xưa đến nay cũng chưa từng nghe, thấy chim sí điểu chúa tranh với loài quạ. Nếu cho rằng thế lực lớn việc gì lại tranh với chúng ta. Nếu nói Cù-đàm đầy đủ tha tâm trí cũng là hư dối. Vì sao? Vì nếu đầy đủ trí này sao không biết được tâm của ta! Thưa các nhân giả! Tôi xưa từng nghe các bậc trí nói về việc này: Qua một trăm năm thế gian sẽ có một con yêu xuất hiện, con yêu này chính là Cù-đàm, chẳng bao lâu sẽ nhập diệt trong rừng Ta-la này. Các ông chớ nên sầu khổ”. Lúc ấy, có một Ni-kiên-tử bảo: “Nay tôi sầu khổ chẳng phải vì tự thân chẳng được đệ tử cúng dường mà chỉ vì thế gian ngu si tối tăm không có con mắt, không biết phước điền và chẳng phải phước điền, bỏ bậc Bà-la-môn Kỳ túc trí tuệ mà cúng dường những người trẻ tuổi, do đó nên buồn rầu mà thôi. Sa-môn Cù-đàm biết chú thuật và do sức chú thuật có thể làm cho một thân thành vô lượng thân, khiến vô lượng thân trở lại một thân, hoặc hiện thân làm nam, nữ, bò, dê, voi, ngựa. Sức của tôi có thể trừ việc chú thuật như vậy. Khi chú thuật của Sa-môn Cù-đàm đã diệt, các ông sẽ được an vui, thọ hưởng nhiều sự cúng dường”. Bấy giờ có một Bà-la-môn nói như vậy: “Thưa các nhân giả! Sa-môn Cù-đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức vì vậy quý vị không nên tranh cãi”. Mọi người bảo: “Này người ngu si! Sao lại nói Sa-môn Cù-đàm đầy đủ công đức lớn? Ông ấy sinh ra được bảy ngày thì mẹ mất, như vậy có thể gọi là tướng phước đức chăng?”. Bà-la-môn kia đáp: “Khi bị mắng chửi không sân, khi bị đá đập không đánh trả, nên biết đó là tướng đại phước đức. Thân của Cù-đàm có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vô lượng thần thông, vì vậy nên biết đó là tướng phước đức. Tâm không kiêu mạn, luôn thăm hỏi trước, lời nói dịu dàng không thô lỗ, lúc còn trẻ ý chí mạnh mẽ, tâm không nóng nảy. Vương quốc nhiều của cải mà không tham luyến bỏ đi xuất gia như bỏ nước miếng. Cho nên tôi nói là Sa-môn Cù-đàm thành tựu đầy đủ

vô lượng công đức”. Mọi người đáp: “Lành thay nhân giả! Sa-môn Cù-đàm thật như lời ông nói, thành tựu vô lượng thần thông biến hóa nên chúng ta không thử thách việc này. Sa-môn Cù-đàm bản tính mềm yếu, không kham chịu khổ hạnh, sinh và lớn lên ở chốn thâm cung, không thấu rõ việc ngoài, chỉ được lời nói dịu dàng, không biết nghệ thuật, biên chép nghị luận. Chúng ta xin tranh biện pháp yếu với Cù-đàm. Nếu Cù-đàm thắng chúng ta sẽ theo hầu Cù-đàm. Nếu chúng ta thắng thì Cù-đàm sẽ phải phụng sự chúng ta”.

Lúc ấy, có vô số ngoại đạo cùng nhau đến chỗ Ma-già-đà, chỗ vua A-xà-thế. Vua thấy liền hỏi: “Các nhân giả đến có việc gì? Các vị mỗi người đều tu tập theo Thánh đạo, là người xuất gia xả bỏ tài sản và việc tại gia, dân chúng trong nước của ta đều cung kính cúng dường, chiêm ngưỡng không hề xúc phạm, vì sao họp nhau mà đến nơi này? Các nhân giả! Các ông đều thọ nhận pháp khác nhau, giữ giới khác nhau, xuất gia khác nhau, mỗi người lại cũng tùy theo giới pháp mà xuất gia tu đạo. Do duyên cớ gì mà nay đồng lòng cùng nhau đến đây giống như lá rụng theo chiều gió thổi, gom lại một chỗ. Hãy nói do nhân duyên gì mà đến đây? Ta thường ủng hộ người xuất gia cho đến không tiếc thân mạng”. Lúc ấy, tất cả các ngoại đạo đều thưa: “Xin đại vương lắng nghe! Nay đại vương là chiếc cầu pháp lớn, là tảng đá lớn, là cái cân pháp lớn, là vật chứa tất cả các công đức, là tánh chân thật của tất cả công đức, là con đường chánh pháp. Chính là ruộng tốt của hạt giống, là căn bản của các nước, là gương sáng của các nước, là hình tượng của chư Thiên, là cha mẹ của dân chúng trong nước. Tâu đại vương! Tất cả kho báu công đức của thế gian chính là đại vương. Vì sao lại gọi là kho công đức? Vì vua quyết định việc nước không phân biệt kẻ oán, người thân. Tâm vua bình đẳng như đất, nước, gió, lửa, do đó gọi đại vương là kho công đức. Tâu đại vương! Chúng sinh hiện tại tuy tuổi thọ ngắn, nhưng công đức của nhà vua như các vua vào thời kỳ sống lâu an lạc. Cũng như các vua: Đảnh Sinh, Thiện Kiến, Nhẫn Nhục, Na-hầu-sa, Da-da-đế, Thi-tỳ, Nhất-xoa-cưu, các vị vua ấy đầy đủ pháp thiện. Đại vương nay cũng như vậy. Tâu đại vương! Nhờ đại vương mà đất nước an lạc, dân chúng giàu có. Do đó mà tất cả người xuất gia trì

giới, tinh tấn tu tập chánh đạo đều mến nước này. Tâu đại vương!  
Trong kinh của chúng tôi có nói: “Nếu người xuất gia ở trong nước  
nào mà trì giới, tinh tấn, siêng tu chánh đạo thì vua nước ấy cũng có  
phần tu thiện”. Tâu đại vương! Tất cả kẻ cướp, nhà vua đã dẹp xong,  
nên người xuất gia không còn lo sợ. Hiện nay chỉ còn một người rất  
ác là Sa-môn Cù-đàm, nhà vua chưa xét đến, chúng tôi rất lo sợ.  
Người này ý dòng họ cao quý, thân hình toàn vẹn, lại do phước báo  
bồ thí đời trước nên được cúng dường nhiều, ý thị những việc này  
nên rất kiêu mạn, hoặc dựa vào chú thuật mà sinh kiêu mạn. Do đó  
không thể tu khổ hạnh mà thọ nhận cất chứa những y phục, đồ nằm  
mịn màng mềm mại, tất cả người ác ở thế gian vì lợi dưỡng nên đến  
làm quyến thuộc, không thể tu khổ hạnh. Do sức chú thuật nên điều  
phục được Ca-diếp, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên v.v... Nay lại đến  
chỗ ở của chúng tôi, trong rừng Ta-la, tuyên bố thân này là thường,  
lạc, ngã, tịnh, để khuyến dụ đệ tử của chúng tôi. Tâu đại vương!  
Trước kia Cù-đàm nói thân này là không thường, không lạc, không  
ngã, không tịnh. Chúng tôi còn có thể nhẫn nhịn được. Nay lại tuyên  
bố thân này là thường, lạc, ngã, tịnh, chúng tôi thật chẳng thể chịu  
được. Xin đại vương cho phép chúng tôi luận nghị với Sa-môn Cù-  
đàm”. Vua bảo: “Này các Đại sĩ! Hôm nay các ông do ai dạy bảo  
mà tâm trí cuồng loạn bất định như nước dậy sóng, như vòng lửa  
xoay, như khỉ vượn leo cây; việc này thật đáng hổ thẹn. Nếu người  
trí nghe thì sẽ thương xót, người ngu si nghe liền chê cười. Lời nói  
của các ông chẳng phải là tướng của người xuất gia. Nếu các ông bị  
các bệnh phong hoàng, thủy hoạn thì ta đều có thuốc để trị lành. Nếu  
mắc bệnh ma quỷ thì anh ta là Kỳ-bà có thể trị được. Nay các ông  
muốn dùng móng tay để bào mòn núi Tu-di, muốn dùng răng trong  
miệng để cắn nát chất kim cương. Này các Đại sĩ! Ví như người ngu  
thấy sư tử chúa lúc đói nằm ngủ mà muốn thức dậy, như người lấy  
ngón tay để vào tro che đậy ngọn lửa. Nay các ông cũng muốn như  
vậy. Này các Đại sĩ! Như con chồn hoang làm tiếng rống sư tử, như  
con muỗi muốn bay đua nhanh chậm cùng chim sí điểu, như con thỏ  
lội qua biển muốn lặn đến tận đáy. Nay các ông cũng như vậy. Nếu  
các ông chiêm bao thấy thắng Cù-đàm thì đó là mộng điên cuồng

mê hoặc chưa đủ để tin. Nay các Đại sĩ! Nay các ông có ý muốn tranh luận với Cù-đàm giống như con thiêu thân vào đồng lửa lớn. Các ông nên theo lời ta chẳng cần nói nữa. Các ông dầu tán thán ta bình đẳng như cán cân, chớ để cho người ngoài nghe lời này”. Bấy giờ các ngoại đạo lại thưa: “Tâu đại vương! Sa-môn Cù-đàm đã dùng chú thuật đến bên nhà vua chẳng? Nên mới làm cho tâm đại vương nghi ngờ không tin những vị Thánh nhân này. Đại vương chớ nên khinh miệt các Đại sĩ như vậy. Tâu Đại vương! Mặt trăng tròn khuyết, nước biển có vị mặn, núi Ma-la-diên... những việc như vậy do ai làm ra? Lẽ nào chẳng phải là hàng Bà-la-môn chúng tôi chẳng? Đại vương không nghe nước của sông Hằng ngừng chảy trong lỗ tai của tiên A-kiệt-đa trọn mười hai năm chẳng? Đại vương không nghe Đại tiên nhân Cù-đàm hiện thân thông trong mười hai năm biến làm thân Đế Thích rồi biến thân Đế Thích làm thân dê đực, biến thành ngàn nữ căn ở thân Đế Thích chẳng? Đại vương không nghe tiên Kỳ-nậu trong một ngày uống hết nước của bốn biển làm cho quả đất khô chẳng? Đại vương không nghe tiên Bà-tẩu làm ba con mắt cho Tự Tại thiên chẳng? Đại vương chẳng nghe tiên A-la-lã biến thành Ca-phú-la thành đất mặn chẳng? Tâu đại vương! Trong hàng Bà-la-môn có những vị tiên thần lực lớn như vậy có thể kiểm chứng, sao Đại vương lại khinh miệt họ? Vua bảo: “Này các nhân giả! Nếu không tin lời ta mà muốn nghị luận, nay Đức Như Lai Chánh Giác đang ở trong rừng Ta-la, các ông có thể đến đó tùy ý gạn hỏi. Như Lai sẽ giải thích rõ ràng làm cho các ông vừa ý”.

Bấy giờ, vua A-xà-thế cùng với đồ chúng ngoại đạo và chúng quyến thuộc đi đến chỗ Phật, đầu mặt đảnh lễ, đi quanh bên phải ba vòng, cung kính lui đứng một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các ngoại đạo này muốn tùy ý gạn hỏi, cúi xin Như Lai tùy ý trả lời.

Phật bảo:

–Này đại vương! Như Lai tự biết đúng lúc.

Lúc ấy, trong chúng có một Bà-la-môn tên là Xà-đề-thủ-na nói như vậy:

–Thưa Cù-đàm! Ngài nói Niết-bàn là pháp thường hằng chẳng?

Đức Phật đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đại Bà-la-môn.

Bà-la-môn nói:

–Nếu nói Niết-bàn là pháp thường thì không đúng nghĩa. Vì sao? Vì pháp của thế gian từ hạt sinh ra quả tiếp tục chẳng dứt, như từ đất sét sinh ra bình, từ sợi tơ mà có ra áo. Cù-đàm thường nói tu tưởng vô thường chứng được Niết-bàn vậy thì tại sao nhân là vô thường mà quả thường được? Cù-đàm lại nói giải thoát tham dục tức là Niết-bàn, giải thoát tham sắc và vô sắc chính là Niết-bàn, diệt hết tất cả phiền não như vô minh v.v... tức là Niết-bàn. Từ phiền não dục cho đến vô minh đều là vô thường, vậy nhân là vô thường thì Niết-bàn đạt được đáng lẽ cũng vô thường. Cù-đàm lại nói, từ nghiệp nhân nên sinh lên cõi trời, từ nghiệp nhân nên đọa vào địa ngục, từ nhân mà được giải thoát. Cho nên các pháp đều từ nhân mà sinh. Nếu từ nhân sinh mà được giải thoát thì tại sao bảo là thường?

Ngài Cù-đàm cũng nói sắc theo duyên sinh nên gọi là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Như vậy giải thoát, nếu là sắc thì nên biết là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu lìa năm ấm mà có giải thoát thì nên biết giải thoát tức là hư không. Nếu là hư không thì không thể nói rằng từ nhân duyên sinh. Vì sao? Vì hư không là thường, là một, là biết hết tất cả. Cù-đàm cũng nói từ nhân duyên sinh tức là khổ, nếu là khổ sao lại nói giải thoát tức là vui. Cù-đàm lại nói vô thường tức là khổ, khổ là vô ngã. Nếu là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, thì tất cả các pháp do nhân duyên sinh đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Tại sao lại cho rằng Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh? Nếu Cù-đàm nói cũng thường, cũng vô thường, cũng khổ, cũng lạc, cũng ngã, cũng vô ngã, cũng tịnh, cũng bất tịnh, như vậy há chẳng phải là hai lời chẳng? Tôi cũng đã từng nghe các bậc trí đức trưởng lão nói thế này: Nếu Phật ra đời thì nói lời không mâu thuẫn. Nay Cù-đàm lại nói lời mâu thuẫn, cho rằng Phật chính là thân Ta đây thì nghĩa là thế nào?

Phật bảo:



–Này Bà-la-môn! Cứ như lời ông, nay Ta hỏi ông, ông hãy tùy ý đáp.

Bà-la-môn thưa:

–Lành thay! Thưa Cù-đàm!

Phật bảo:

–Này Bà-la-môn! Tánh của ông là thường hay vô thường?

Bà-la-môn đáp:

–Tánh của tôi là thường.

–Này Bà-la-môn! Tánh ấy có thể làm nhân cho tất cả các pháp trong ngoài chăng?

–Đúng vậy! Thưa Cù-đàm!

Phật bảo:

–Này Bà-la-môn! Tánh ấy làm nhân như thế nào?

–Thưa Cù-đàm! Từ tánh sinh ra đại, từ đại sinh ra mạn, từ mạn sinh ra mười sáu pháp, đó gọi là: đất, nước, gió, lửa, không. Năm tri căn là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Năm nghiệp căn là: tay, chân, miệng, tiếng, căn nam, căn nữ và căn tâm bình đẳng. Mười sáu pháp này do năm pháp sinh là: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Hai mươi một pháp này có ba pháp cơ bản: một là nhiễm, hai là thô, ba là đen. Nhiễm gọi là ái, thô gọi là sân, đen gọi là vô minh. Cù-đàm! Hai mươi lăm pháp này đều từ tánh sinh.

–Này Bà-la-môn! Những pháp này như đại v.v... là thường hay vô thường?

–Thưa Cù-đàm! Theo giáo pháp của tôi thì tánh là thường, những pháp như đại v.v... đều là vô thường.

–Này Bà-la-môn! Như trong pháp của ông nhân là thường, còn quả là vô thường. Còn trong giáo pháp của Ta nhân tuy vô thường mà quả là thường thì có lỗi gì? Này Bà-la-môn! Trong pháp của các ông có hai nhân chăng?

–Thưa Cù-đàm! Có.

Phật hỏi:

–Những gì là hai nhân?

–Thưa Cù-đàm! Một là sinh nhân, hai là liễu nhân.

Phật hỏi:

–Thế nào là sinh nhân? Thế nào là liễu nhân?

Bà-la-môn đáp:

–Sinh nhân giống như đất sét làm ra cái bình, liễu nhân như đèn soi chiếu đồ vật.

Phật bảo:

–Tánh của hai thứ nhân này là một. Nếu là một tánh có thể khiến sinh nhân làm liễu nhân, có thể khiến liễu nhân thành sinh nhân chăng?

–Không! Thưa Cù-đàm!

Phật bảo:

–Nếu như sinh nhân không làm liễu nhân, liễu nhân chẳng làm sinh nhân thì có thể nói là tướng của nhân chăng?

Bà-la-môn đáp:

–Tuy hai nhân không có tương tác nhưng vẫn có tướng của nhân.

–Này Bà-la-môn! Vật mà liễu nhân hiểu rõ có đồng với liễu nhân chăng?

–Thưa Cù-đàm! Không!

Phật dạy:

–Trong pháp của Ta tuy từ vô thường mà chứng đắc Niết-bàn nhưng Niết-bàn chẳng phải là vô thường. Này Bà-la-môn! Do liễu nhân mà được nên là thường, lạc, ngã tịnh. Do sinh nhân mà được nên không thường, không lạc, không ngã, không tịnh. Do đó lời nói của Như Lai có sai khác, tuy có nói sai khác như thế nhưng không có sự sai khác, cho nên nói Như Lai nói không sai khác. Như lời ông nói, đã từng nghe bậc trí trưởng lão bảo Đức Phật ra đời không nói sai khác. Lời nói ấy nói rất đúng. Lời nói của chư Phật mười phương ba đời không sai khác, cho nên nói Phật không nói sai khác. Thế nào là không nói sai khác? Vì có thì nói có, không thì nói không, nên gọi là đồng một nghĩa. Này Bà-la-môn! Như Lai Thế Tôn nói sai khác

nhưng vì để làm rõ một nghĩa. Thế nào là nói sai khác làm rõ một nghĩa?

Như nhãn căn cùng với sắc là hai thứ sai khác sinh ra thức là một, cho đến ý căn cùng với pháp cũng vậy.

Bà-la-môn nói:

–Ngài Cù-đàm khéo phân biệt được ngữ nghĩa như vậy. Nhưng nay tôi chưa hiểu nói thì hai mà hiểu là một.

Bấy giờ Thế Tôn liền tuyên nói pháp bốn chân đế:

–Này Bà-la-môn! Nói khổ đế thì cũng hai cũng một, cho đến đạo đế cũng hai mà cũng một.

Bà-la-môn thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu rồi!

Phật dạy:

–Thiện nam! Ông hiểu như thế nào?

Bà-la-môn thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đối với khổ đế thì tất cả phàm phu là hai, còn Thánh nhân là một, cho đến đạo đế cũng như vậy.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Đã hiểu!

Bà-la-môn thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nay nghe pháp được chánh kiến. Nay con xin quy y Tam bảo Phật, Pháp, Tăng. Nguyện xin đấng Đại từ cho con được xuất gia.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Kiều-trần-như:

–Ông nên cạo bỏ râu tóc cho Xà-đề-thủ-na. Lúc cạo tóc có hai thứ rơi xuống: một là râu tóc, hai là phiền não. Xà-đề-thủ-na ngay tại chỗ ngồi, chứng đắc quả A-la-hán.

Lại có Phạm chí Bà-tư-tra hỏi Đức Phật:

–Ngài Cù-đàm nói Niết-bàn là thường chẳng?

–Này Phạm chí! Đúng như vậy.

Bà-tư-tra hỏi:

–Thưa Cù-đàm! Ngài lẽ nào chẳng nói không có phiền não là

Niết-bàn chẳng?

–Này Phạm chí! Đúng như vậy.

Bà-tư-tra hỏi:

–Thưa Cù-đàm! Thế gian có bốn thứ gọi là không: một là những pháp chưa sinh thì gọi là không. Như cái bình lúc chưa ra khỏi đất sét thì không gọi là cái bình. Hai là những pháp đã hoại diệt thì gọi là không. Như cái bình đã bể rồi thì không gọi là cái bình. Ba là tướng khác nhau không có sự lẫn lộn nhau gọi là không. Như trong bò không có ngựa, trong ngựa không có bò. Bốn là hoàn toàn không nên gọi là không. Như lông rùa sừng thỏ.

Thưa Cù-đàm! Vì nếu đã trừ phiền não rồi thì gọi là Niết-bàn mà Niết-bàn tức là không. Nếu là không thì sao lại cho là có thường, lạc, ngã, tịnh?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Niết-bàn như vậy chẳng phải là trước không có giống như cái bình lúc còn là đất sét. Cũng chẳng phải diệt là không giống cái bình lúc bể. Cũng chẳng phải là hoàn toàn không như lông rùa, sừng thỏ, mà đồng cái khác không.

Này thiện nam! Như lời ông nói, tuy trong bò không có ngựa, nhưng không thể nói bò cũng là không. Tuy trong ngựa không có bò cũng không thể nói ngựa cũng là không. Niết-bàn cũng như vậy. Trong phiền não không có Niết-bàn, trong Niết-bàn không có phiền não. Cho nên gọi là không có sự lẫn lộn tướng khác.

Bà-tư-tra nói:

–Nếu cho cái khác không là Niết-bàn thì cái khác không đó không có thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy sao Cù-đàm lại nói Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông nói, cái khác không đó có ba thứ không: bò, ngựa, đều là trước không mà sau có, đó gọi là trước không. Đã có rồi trở lại không thì gọi là hoại diệt không. Còn cái tướng khác không thì như lời ông nói. Thiện nam! Trong Niết-bàn không có ba thứ không này. Cho nên Niết-bàn là thường, lạc, ngã,

tịnh. Như người bị bệnh ở thế gian: một là bệnh nóng, hai là bệnh phong, ba là bệnh hàn. Ba loại bệnh này có ba loại thuốc có thể chữa trị. Người bị bệnh nóng, có thể chữa trị bằng váng sữa. Người bị bệnh phong, có thể chữa trị bằng dầu; người bị bệnh hàn, có thể chữa trị bằng mật. Ba loại thuốc này có thể chữa trị ba thứ bệnh như vậy.

Này thiện nam! Trong bệnh phong không có dầu, trong dầu không có phong. Cho đến trong mật không có bệnh hàn, trong hàn không có mật, vì thế có thể chữa trị. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, có ba thứ bệnh: một là tham, hai là sân, ba là si. Ba thứ bệnh này có ba thứ thuốc. Quán bất tịnh thì chữa được bệnh tham; quán tâm từ thì chữa được bệnh sân, quán nhân duyên thì chữa được bệnh si.

Này thiện nam! Vì trừ tham nên quán pháp chẳng phải tham. Vì trừ sân nên quán pháp chẳng phải sân. Vì trừ si nên quán pháp chẳng phải si. Trong ba thứ bệnh không có ba thứ thuốc, trong ba thứ thuốc không có ba thứ bệnh.

Thiện nam! Vì trong ba thứ bệnh không có ba thứ thuốc nên là không thường, không ngã, không lạc, không tịnh. Trong ba loại thuốc không có ba thứ bệnh nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Bà-tư-tra bạch Thế Tôn:

–Như Lai đã vì con mà giảng nói về thường và vô thường. Vậy thế nào là thường? Thế nào là vô thường?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Sắc là vô thường, giải thoát sắc là thường. Cho đến thức là vô thường, giải thoát thức là thường. Thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào quán sắc cho đến thức là vô thường thì nên biết người này chứng được pháp thường.

Bà-tư-tra thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nay đã hiểu biết pháp thường và vô thường.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Ông biết pháp thường và vô thường như thế nào?

Bà-tư-tra thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nay con biết sắc của con là vô thường, được giải thoát là thường, cho đến thức cũng như vậy.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Thiện nam! Nay ông đã báo đáp thân này.

Đức Phật bảo Kiều-trần-như:

–Bà-tư-tra đã chứng quả A-la-hán. Ông nên ban cho ông ấy ba y và bình bát.

Bấy giờ, Kiều-trần-như vâng lời Phật dạy, ban y bát cho Bà-tư-tra. Bà-tư-tra nhận lãnh y bát rồi thưa:

–Thưa Đại đức Kiều-trần-như! Nay tôi do thân xấu ác này mà được quả báo tốt. Xin Đại đức vì tôi đến chỗ Đức Thế Tôn trình bày đầy đủ tâm thành của tôi. Tôi là người xấu đã xúc phạm đến Như Lai gọi là họ Cù-đàm. Xin cho tôi sám hối tội lỗi này. con cũng không thể ở lâu nơi thân độc này, nay sẽ nhập Niết-bàn.

Lúc ấy, Kiều-trần-như liền đến chỗ Đức Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Bà-tư-tra sinh lòng hổ thẹn, tự nói là hung dữ đã xúc phạm đến Như Lai gọi là họ Cù-đàm, không thể sống lâu nơi thân rắn độc ấy, nay sắp diệt thân, nhờ con xin Thế Tôn cho sám hối.

Đức Phật dạy:

–Này Kiều-trần-như! Tỳ-kheo Bà-tư-tra đã thành tựu căn lành nơi vô lượng Đức Phật ở đời quá khứ. Nay vâng lời Ta mà sống đúng pháp nên chứng được chánh quả. Các ông nên cúng dường thân của ông ấy.

Bấy giờ, Kiều-trần-như nghe lời Phật dạy xong đến chỗ thân của Bà-tư-tra để cúng dường. Lúc thiêu thân, Bà-tư-tra hiện vô số thần thông. Các ngoại đạo thấy việc này rồi đồng lớn tiếng xưng lên: “Bà-tư-tra này đã được chú thuật của Sa-môn Cù-đàm. Chẳng bao lâu ông ấy sẽ hơn cả Sa-môn Cù-đàm kia”.

Bấy giờ, trong chúng có một Phạm chí tên là Tiên-ni lại hỏi:

–Thưa Cù-đàm! Có ngã chăng?

Đức Như Lai im lặng.

Tiên-ni lại hỏi:

–Thưa Cù-đàm! Có vô ngã chăng?

Như Lai cũng im lặng. hỏi lần thứ hai, thứ ba, Đức Phật đều im lặng.

Tiên-ni lại hỏi:

–Thưa Cù-đàm! Nếu tất cả chúng sinh có ngã khắp tất cả mọi nơi là một tác giả thì tại sao Cù-đàm lại im lặng không trả lời?

Đức Phật dạy:

–Này Tiên-ni! Ông nói ngã đó là cùng khắp tất cả chỗ chăng?

Tiên-ni đáp:

–Thưa Cù-đàm! Không những chỉ tôi nói mà tất cả những người trí cũng đều nói như vậy.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Nếu ngã đó cùng khắp mọi nơi thì lẽ ra phải cùng lúc thọ quả báo trong năm đường. Nếu cùng lúc thọ quả báo trong năm đường thì hàng Phạm chí các ông vì sao không gây tạo nghiệp ác để tránh khỏi địa ngục, tu các pháp thiện để được thân trời?

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Trong pháp của chúng tôi, ngã có hai thứ: một là ngã của thân tạo tác, hai là ngã của thân thường còn. Ngã của thân tạo tác nên xa lìa nghiệp ác để khỏi rơi vào địa ngục, tu các pháp thiện để được sinh lên cõi trời.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như ông đã nói, ngã khắp tất cả mọi nơi. Nếu ngã đó ở trong thân thì là vô thường. Nếu trong thân không có ngã thì sao gọi lại nói là cũng khắp?

–Thưa Cù-đàm! Ngã chúng tôi lập, ở trong thân cũng là thường pháp. Thưa Cù-đàm! Như người kéo lửa cháy nhà cửa, chủ nhà chạy ra khỏi không thể nói rằng nhà cửa cháy thì chủ nhà cũng bị cháy. Pháp của chúng tôi cũng như vậy, thân này tuy là vô thường, đương

lúc vô thường thì ngã cũng ra đi. Nên ngã của tôi cũng biến khắp, cũng là thường.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Như lời ông nói ngã cùng khắp, cũng là thường nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì cùng khắp có hai thứ: một là thường, hai là vô thường. Lại có hai thứ: một là sắc, hai là vô sắc. Vì vậy nếu nói có khắp tất cả thì cũng là thường, cũng là vô thường, cũng là sắc, cũng là vô sắc. Nếu nói chủ nhà chạy ra khỏi nên không gọi là vô thường, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nhà không gọi là chủ, chủ chẳng gọi là nhà, cái bị cháy khác người chạy ra khác, ngã thì không như vậy. Vì sao? Vì ngã tức là vô sắc, sắc tức là ngã. Vô sắc chính là ngã, ngã chính là vô sắc. Vậy sao lại nói lúc sắc vô thường thì ngã xuất ra khỏi. Này thiện nam! Nếu ý ông cho rằng tất cả chúng sinh đồng một ngã thì như vậy là trái với pháp thế gian và xuất thế gian. Vì sao? Vì pháp thế gian gọi cha, con trai, mẹ, con gái. Nếu là một thì cha tức là con, con tức là cha; mẹ tức là con, con tức là mẹ; oán tức là thân, thân tức là oán; đây tức là kia, kia tức là đây. Vì vậy, nếu nói tất cả chúng sinh đồng một ngã thì tức là trái với pháp thế gian và xuất thế gian.

Tiên-ni nói:

–Tôi không nói tất cả chúng sinh đồng một ngã. Mà nói mỗi người đều riêng có một ngã.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Nếu ông nói mỗi người đều có một ngã, thì có nhiều ngã, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì như trước kia ông nói rằng ngã có khắp tất cả mọi nơi. Nếu ngã khắp tất cả thì chúng sinh lẽ ra đồng một nghiệp căn. Lúc trời thấy được thì Phật cũng thấy được, lúc trời làm được thì Phật cũng làm được, lúc trời nghe được thì Phật cũng nghe được. Tất cả các pháp đều như vậy. Nếu cái mà trời thấy chẳng phải Phật thấy thì không nên nói rằng ngã khắp tất cả chỗ. Nếu ngã không ở khắp nơi thì là vô thường.

Tiên-ni thưa:

–Thưa Cù-đàm! Ngã của tất cả chúng sinh khắp tất cả. Còn



pháp và phi pháp không phải khắp tất cả. Do nghĩa này nên Phật làm được khác, trời làm được khác. Vì thế Cù-đàm chẳng nên nói rằng lúc Phật thấy lẽ ra trời cũng thấy, lúc Phật nghe được lẽ ra trời cũng nghe được.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Pháp và phi pháp chẳng phải là nghiệp tạo ra chăng?

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Đó là nghiệp tạo ra.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu pháp cùng phi pháp là do nghiệp tạo ra thì đồng một pháp, sao lại bảo là khác? Vì sao? Vì chỗ nghiệp của Phật có ngã của trời, chỗ nghiệp của trời có ngã của Phật. Do đó khi được làm Phật thì cũng được làm trời, pháp và phi pháp cũng như vậy.

Này thiện nam! Vì vậy pháp và phi pháp cùng tất cả chúng sinh, nếu như vậy thì quả báo có được lẽ ra cũng không khác. Thiện nam! Từ hạt sinh ra quả, quả này hoàn toàn không suy nghĩ, phân biệt: “Ta chỉ nên làm quả Bà-la-môn, chẳng nên làm quả Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la v.v... Vì sao? Vì từ hạt sinh ra quả hoàn toàn không chướng ngại. Bốn dòng họ như vậy thì pháp cùng phi pháp cũng như thế, không thể phân biệt ta chỉ nên tạo quả Phật không nên tạo quả trời, tạo quả trời không nên tạo quả Phật. Vì sao? Vì nghiệp bình đẳng.

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Ví như trong một căn nhà có trăm ngàn ngọn đèn. Tim đèn tuy khác nhưng ánh sáng vẫn không khác. Tim đèn khác nhau dụ cho pháp và phi pháp, ánh sáng không khác dụ cho ngã của chúng sinh.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông nói ngọn đèn dụ cho ngã, nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì đèn khác mà nhà khác, ánh sáng của ngọn đèn cũng ở bên tim đèn mà cũng khắp trong nhà. Cái ngã mà ông

nói nếu như vậy thì ở bên pháp và phi pháp đều phải có ngã. Trong ngã cũng phải có pháp và phi pháp. Nếu pháp và phi pháp không có ngã thì không thể nói rằng ngã ở khắp tất cả nơi. Nếu cùng có ngã thì sao dùng đèn và ánh sáng để làm ví dụ!

Này thiện nam! Ý ông cho rằng tim cùng ánh sáng thật sự khác nhau, do duyên gì tim khơi thì ánh sáng mạnh, tim đèn khô thì ánh sáng mất. Do đó không nên đem pháp và phi pháp dụ cho tim đèn, ánh sáng không khác dụ cho ngã. Vì sao? Vì pháp, phi pháp và ngã cả ba thứ là một.

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngài dẫn ngọn đèn làm dụ việc này không tốt. Vì sao? Ví dụ ngọn đèn nếu là tốt thì tôi đã dẫn trước rồi. Như ví dụ đó chẳng tốt sao Ngài lại nói?

–Này thiện nam! Ví dụ Ta nêu ra đó đều chẳng làm tốt, vì không tốt nên theo ý của ông mà nói. Ví dụ này cũng nói rời tim đèn có ánh sáng, tức là nơi tim đèn có ánh sáng. Tâm ông không bình đẳng nên nói tim đèn dụ cho pháp và phi pháp, ánh sáng thì dụ cho ngã. Do đó nên Ta trách ông: tim đèn chính là ánh sáng rời tim đèn có ánh sáng, ngay trong pháp có ngã, ngay trong ngã có pháp, phi pháp tức là ngã, ngã tức là phi pháp. Nay sao ông chỉ thọ nhận một bên mà bỏ một bên. Ví dụ như vậy đối với ông không tốt nên nay Ta trở lại dẫn ví dụ đó để dạy ông.

Này thiện nam! Ví dụ như vậy tức chẳng phải là dụ, vì chẳng phải dụ nên đối với Ta thì tốt, còn đối với ông thì không tốt. Thiện nam! Nếu ý của ông cho rằng: “Tôi không tốt thì Ngài cũng chẳng tốt”, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì thấy người đời dùng dao để hại lấy mình, tự mình làm ra mà người khác thọ dụng. Ví dụ của ông dẫn ra cũng như vậy. Đối với Ta thì tốt, đối với ông thì không tốt.

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Vừa rồi Ngài trách tâm tôi không bình đẳng, nay lời nói của Ngài cũng không bình đẳng. Vì sao? Vì Cù-đàm lấy tốt cho mình mà không tốt lại dồn cho tôi. Như vậy mà suy thì thật là

không bình đẳng.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như cái không bình đẳng của Ta có thể phá được sự không bình đẳng của ông. Cho nên ông bình đẳng mà Ta không bình đẳng là tốt. Sự không bình đẳng của Ta có thể phá sự không bình đẳng của ông, làm cho ông được bình đẳng cũng chính là Ta bình đẳng. Vì sao? Vì đồng được bình đẳng với các bậc Thánh nhân.

Tiên-ni thưa:

–Thưa Cù-đàm! Tôi thường là bình đẳng, sao Ngài lại nói phá hoại sự bất bình đẳng của tôi. Tất cả chúng sinh đều bình đẳng có ngã, tại sao nói tôi là không bình đẳng ?

–Này thiện nam! Ông cũng có nói: Sẽ thọ quả báo địa ngục, sẽ thọ quả báo ngạ quỷ, sẽ thọ quả báo súc sinh, sẽ thọ quả báo trời người. Nếu ngã trước đã ở khắp trong năm đường, sao lại nói sẽ thọ quả báo trong các loài? Ông cũng nói cha mẹ hòa hợp sau đó mới sinh ra con. Nếu con đã có trước sao lại nói hòa hợp rồi mới có? Do đó một người có thân trong năm đường. Nếu trước đã có thân trong năm đường thì do nhân duyên gì vì thân mà tạo nghiệp? Cho nên không bình đẳng.

Này thiện nam! Theo ý ông nếu cho rằng ngã là tác giả thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu ngã là tác giả thì do duyên gì ngã lại tự làm ra sự khổ. Nhưng nay chúng sinh thật có chịu khổ. Do đó nên biết ngã chẳng phải là tác giả. Nếu cho rằng sự khổ này chẳng phải do ngã tạo ra, chẳng phải do nhân sinh, vậy do duyên gì lại nói do ngã tạo ra? Này thiện nam! Sự khổ vui của chúng sinh thật là do nhân duyên. Sự khổ vui này có thể làm cho chúng sinh buồn và vui.

Lúc buồn thì không vui, lúc vui thì không buồn, hoặc vui hoặc buồn thì người trí sao cho đó là thường Này thiện nam! Ông nói ngã là thường. Nếu là thường tại sao nói có mười thời kỳ sai khác? Đã là pháp thường lẽ ra chẳng có thời kỳ thụ thai cho đến thời kỳ già. Pháp thường như hư không còn không có một thời kỳ hướng lại có cả

mười thời kỳ! Nay thiện nam! Ngã chẳng phải là thời thụ thai cho đến lúc già thì tại sao nói có mười thời kỳ khác nhau? Nay thiện nam! Nếu ngã ấy là tác giả thì ngã ấy cũng có lúc thịnh, lúc suy. Chúng sinh cũng có lúc thịnh, lúc suy. Nếu ngã là như vậy sao lại gọi là thường. Nay thiện nam! Nếu ngã là tác giả sao một người có khôn lanh, có đần độn?

Nay thiện nam! Nếu ngã là tác giả thì ngã ấy có thể làm ra thân nghiệp và khẩu nghiệp. Khẩu nghiệp nếu là ngã làm ra, sao miệng lại nói rằng không có ngã? Vì sao tự nghi có ngã hay không có ngã? Thiện nam! Theo ý ông cho rằng lìa nhãn căn có sự thấy, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu lìa nhãn căn riêng có sự thấy thì cần gì nhãn căn này! Cho đến thân căn cũng vậy. Nếu ý ông cho rằng tuy ngã có thể thấy nhưng cần phải do nhãn căn mới thấy thì điều đó cũng không đúng. Vì sao? Như có người nói rằng bông tu-mạn-na có thể đốt cháy cả thôn xóm lớn, thì làm sao có thể đốt cháy? Do lửa có thể đốt cháy. Ông lập ngã có thể thấy cũng như vậy.

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Như người cầm liềm có thể cắt cỏ. Ngã nhân nơi năm căn có thể thấy, nghe, cho đến xúc cũng như vậy.

–Nay thiện nam! Người và liềm đều khác nhau nên người cầm liềm có thể cắt cỏ được. Rời ngoài căn không có ngã riêng khác, sao lại nói rằng ngã nhân nơi các căn mà có thể có sự tạo tác? Nay thiện nam! Theo ý ông, nếu cho rằng cầm liềm có thể cắt cỏ, ngã cũng như vậy thì ngã này có tay hay không tay? Nếu có tay sao không tự cầm. Nếu không có tay sao cho rằng ngã là tác giả? Thiện nam! Có thể cắt cỏ đó chính là liềm, chẳng phải ngã, chẳng phải người. Nếu ngã và người có thể thì tại sao lại nhờ cái liềm!

Nay thiện nam! Người có hai việc làm: một là cầm lấy cỏ, hai là cầm liềm. Cái liềm này chỉ có công dụng cắt. Chúng sinh thấy các pháp cũng như vậy. Mắt có thể thấy sắc là do hòa hợp mà sinh ra. Nếu từ nhân duyên hòa hợp mà thấy thì sao người trí lại nói là ngã? Thiện nam! Theo ý ông, nếu cho rằng thân làm mà ngã chịu thì

nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì thế gian không thấy trời tạo nghiệp mà Phật chịu kết quả. Nếu nói rằng chẳng phải thân làm ngã, chẳng phải do nhân duyên thọ thì vì sao các ông lại từ nơi nhân duyên để cầu giải thoát? Thân này của ông trước kia chẳng phải nhân duyên sinh, được giải thoát rồi lẽ ra không do nhân duyên mà sinh ra thân. Như thân, tất cả phiền não cũng như vậy.

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngã có hai thứ: một là hữu tri, hai là vô tri. Ngã vô tri có thể ở nơi thân. Ngã hữu tri có thể rời bỏ thân. Như cái bình đất đã bị nung thì mất màu sắc cũ không còn sinh trở lại. Phiền não của người trí cũng như vậy, đã diệt mất rồi không còn trở lại.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Cái mà nói là biết đó thì trí có thể biết hay ngã có thể biết? Nếu trí có thể biết sao lại nói rằng ngã là biết? Còn nếu ngã biết sao phải dùng phương tiện để cầu trí? Nếu ý ông cho rằng ngã nhân trí mà biết thì đồng với ví dụ bông hủy hoại. Thiện nam! Như cây gai tánh của nó có thể đâm, không thể nói cây cầm gai để đâm. Trí cũng như vậy, trí tự có thể hiểu biết. Sao lại nói rằng ngã chấp nơi trí để biết?

Này thiện nam! Như trong pháp của ông nói ngã được giải thoát, vậy đó là ngã vô tri được hay là ngã hữu tri được? Nếu là ngã vô tri được thì nên biết vẫn còn đủ phiền não. Nếu ngã hữu tri được thì nên biết rằng đã có năm căn. Vì sao? Vì ngoài năm căn không có sự biết. Nếu đủ các căn sao gọi là được giải thoát, nếu cho rằng tánh của ngã này thanh tịnh rời năm căn thì sao lại nói rằng ngã khắp trong năm đấng? Do duyên gì tu các pháp thiện để được giải thoát? Này thiện nam! Ví như có người nhổ gai hư không, ông cũng như vậy. Ngã nếu đã thanh tịnh sao lại nói rằng đoạn dứt các phiền não? Nếu ý ông cho rằng chẳng do nhân duyên mà được giải thoát thì vì sao tất cả chúng sinh lại không được giải thoát?

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu không có ngã thì ai có thể nhớ nghĩ?

Đức Phật bảo:

–Này Tiên-ni! Nếu có ngã sao lại quên? Này thiện nam! Nếu nhớ nghĩ là ngã thì sao lại nhớ điều ác, nhớ điều chẳng đáng nhớ, không nhớ điều đáng nhớ?

Tiên-ni lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu không có ngã thì ai thấy, ai nghe?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Trong sáu nhập, ngoài có sáu trần, trong ngoài hòa hợp sinh ra sáu thức, sáu thức này theo nhân duyên mà có tên gọi. Này thiện nam! Ví như ngọn lửa nhân nơi cây nên gọi là lửa cây, ngọn lửa nhân nơi cỏ thì gọi là lửa cỏ, nhân nơi trấu thì gọi là lửa trấu, nhân nơi phân bò thì gọi là lửa phân bò. Ý thức của chúng sinh cũng như vậy, nhân nơi nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tác ý thì gọi đó là nhãn thức. Này thiện nam! Nhãn thức này không ở trong nhãn căn cho đến không ở trong tác ý. Do bốn sự hòa hợp nên sinh ra thức này. Cho đến ý thức cũng như vậy. Nếu là do nhân duyên hòa hợp mà sinh, người trí không nên cho rằng sự thấy chính là ngã. Này thiện nam! Vì thế Ta nói rằng nhãn thức cho đến ý thức, tất cả các pháp đều là như huyễn. Thế nào là như huyễn? Xưa không mà nay có, đã có rồi trở lại không. Này thiện nam! Như tía tời, bột, mật, gừng, tiêu, tất bật, nho, hồ đào, thạch lựu, hạt quì, các thứ ấy hòa hợp lại gọi là hoàn thuốc hoan hỷ. Rồi ngoài sự hòa hợp này thì không có hoàn hoan hỷ. Do sáu nhập trong ngoài gọi là chúng sinh, ngã, nhân, sĩ phu. Rồi sáu nhập trong ngoài thì không riêng có chúng sinh, ngã, nhân, sĩ phu.

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu không có ngã sao lại nói ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui, ta lo, ta mừng?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Nếu cho rằng ta thấy, ta nghe gọi là có ngã thì sao người thế gian lại nói tội của ông làm, tôi chẳng thấy nghe. Này thiện nam! Như bốn binh chủng hợp lại, gọi là đoàn quân. Bốn binh chủng chẳng gọi là một mà cũng nói rằng quân ta mạnh mẽ, quân ta thắng địch. Căn bên trong, trần bên ngoài hòa hợp ra cũng

như vậy. Tuy chẳng phải là một nhưng cũng được nói rằng ta làm, ta nhận, ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui.

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Như lời Ngài nói, trong ngoài hòa hợp thì ai nói rằng ta làm ta chịu?

Đức Phật dạy:

–Này Tiên-ni! Từ nhân duyên ái và vô minh sinh ra nghiệp, từ nghiệp sinh ra hữu, từ hữu sinh ra vô lượng tâm sở. Tâm sinh ra giác quán, giác quán động đến hơi gió, hơi gió theo tâm xúc chạm đến yết hầu, lưỡi, răng, môi. Chúng sinh điên đảo phát ra tiếng nói rằng ta làm, ta nhận, ta thấy, ta nghe.

Này thiện nam! Như cái chuông trên đầu cột phướn do gió động nên phát ra tiếng. Gió lớn thì tiếng lớn, gió nhỏ thì tiếng nhỏ, không có tác giả. Này thiện nam! Ví như sắt nóng ném vào trong nước phát ra nhiều tiếng. Trong đó thật ra không có tác giả. Này thiện nam! Hàng phàm phu không thể tư duy phân biệt những việc như vậy. Nên nói có ngã và có ngã sở, ta làm, ta nhận.

Tiên-ni nói:

–Ngài Cù-đàm nói không có ngã và ngã sở thì do duyên gì Ngài lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Ta cũng không nói sáu nhập trong ngoài và sáu thức là thường, lạc, ngã, tịnh. Mà Ta tuyên bố diệt sáu nhập trong ngoài sinh ra sáu thức thì gọi đó là thường, do thường nên gọi ngã. Vì có thường ngã nên gọi là lạc, vì có thường lạc nên gọi là tịnh. Này thiện nam! Chúng sinh nhầm chán sự khổ nên đoạn trừ nhân khổ, tự tại xa lìa, đó gọi là ngã. Do nhân duyên này nên tuyên bố là thường, lạc, ngã, tịnh.

Tiên-ni nói:

–Bạch Thế Tôn! Xin đấng Đại Từ dạy bảo cho con phải làm thế nào để được thường, lạc, ngã, tịnh như vậy?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Từ trước đến nay, tất cả thế gian đầy đủ sự

ngã mạn lớn luôn tăng trưởng mạn, cũng tạo ra mạn. Do nghiệp mạn nên nay thọ lấy quả báo của mạn, không thể xa lìa tất cả phiền não để được thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu các chúng sinh muốn được xa lìa tất cả phiền não, trước hết phải xa lìa mạn.

Tiên-ni thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Thật như lời Thế Tôn dạy. Từ trước con có ngã mạn, do ngã mạn nên gọi Như Lai bằng họ Cù-đàm. Nay con đã xa lìa ngã mạn đó, thành tâm thỉnh cầu giáo pháp, làm thế nào để được thường, lạc, ngã, tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ giảng nói rõ ràng cho ông. Này thiện nam! Nếu có thể chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải chúng sinh thì xa lìa pháp này.

–Bạch Thế Tôn! Con đã biết được chánh pháp nhãn.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Làm thế nào mà ông nói đã biết, đã hiểu, đã được chánh pháp nhãn?

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói, sắc ấm chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải chúng sinh, cho đến thức cũng như vậy. Con quán sát như vậy nên được chánh pháp nhãn.

Bạch Thế Tôn! Nay con rất muốn xuất gia tu học. Xin Thế Tôn nhận cho.

Đức Phật bảo:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Lúc đó Tiên-ni liền đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, chứng quả A-la-hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có Phạm chí họ Ca-diếp lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Thân tức là mạng hay là thân khác, mạng khác?

Như Lai im lặng. Phạm chí hỏi lần thứ hai, thứ ba Như Lai vẫn im lặng như vậy.

Phạm chí lại nói:



–Thưa Cù-đàm! Như người bỏ thân chưa thọ thân sau, trong thời gian đó đâu có thể không gọi là thân khác, mạng khác, nếu là khác tại sao Cù-đàm im lặng không đáp?

–Này thiện nam! Ta nói thân mạng đều do từ nhân duyên chẳng phải là không do nhân duyên; như thân mạng, tất cả các pháp cũng như vậy.

Phạm chí lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Tôi thấy ở thế gian cũng có pháp không từ nhân duyên.

Đức Phật bảo:

–Này Phạm chí! Ông thấy thế gian có pháp không từ nhân duyên như thế nào?

Phạm chí nói:

–Tôi thấy lửa lớn thiêu cháy rừng cây, gió thổi bứt ngọn lửa rơi vào nơi khác, đó há chẳng phải là không nhân duyên chẳng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta nói lửa này cũng từ nhân mà sinh chẳng phải không từ nhân sinh.

Phạm chí nói:

–Thưa Cù-đàm! Lúc ngọn lửa bay đi không nhân nơi củi, than, sao lại nói rằng từ nơi nhân mà sinh?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Tuy không có củi than nhưng nhân gió mà bay đi, do gió nên ngọn lửa đó không tắt.

–Thưa Cù-đàm! Nếu người xả bỏ thân chưa thọ thân sau, mạng sống trong thời gian ấy cái gì làm nhân duyên?

Đức Phật dạy:

–Này Phạm chí! Chính vô minh và ái làm nhân duyên. Do hai nhân duyên vô minh và ái này mà mạng sống được tồn tại. Này thiện nam! Vì có nhân duyên nên thân là mạng, mạng tức là thân. Vì có nhân duyên nên thân khác, mạng khác. Người trí không nên một mực nói rằng thân khác, mạng khác.

Phạm chí nói:

–Thưa Thế Tôn! Xin Thế Tôn phân biệt giảng nói cho con, khiến cho con rõ biết được nhân quả.

Đức Phật dạy:

–Này Phạm chí! Nhân chính là năm ấm, quả cũng là năm ấm. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh không đốt lửa thì không có khói.

Phạm chí thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã biết rồi, con đã hiểu rồi!

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Ông biết như thế nào? Hiểu như thế nào?

–Bạch Thế Tôn! Lửa tức là phiền não có thể đốt cháy nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người; khói tức là quả báo phiền não. Vô thường, bất tịnh hôi nhơ đáng ghét nên gọi là khói. Nếu chúng sinh nào không khởi phiền não thì người đó không có quả báo phiền não. Do đó Như Lai nói không đốt lửa thì không có khói.

Bạch Thế Tôn! Con đã được chánh kiến, xin Thế Tôn từ bi cho con được xuất gia, thọ giới.

Khi ấy, Kiều-trần-như vâng theo lời Phật tập hợp chúng Tăng cho Phạm chí xuất gia thọ giới cụ túc. Năm ngày sau, Phạm chí chứng đắc quả A-la-hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có một Phạm chí tên là Phú-na nói như vậy:

–Thưa Cù-đàm! Ông thấy thế gian là pháp thường nên nói là thường chăng? Nghĩa này là chân thật hay hư dối? Là thường hay vô thường? Hay cũng thường cũng vô thường? Hay chẳng phải thường chẳng phải vô thường? Là hữu biên hay vô biên? Hay cũng hữu biên, cũng vô biên? Hay chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên? Thân này là mạng, thân khác mạng khác chăng? Sau khi Như Lai diệt độ còn hay mất? Hay cũng còn cũng mất? Hay cũng chẳng phải còn, chẳng phải mất?

Đức Phật dạy:

–Này Phú-na! Ta không nói thế gian là thường, là giả, là thật, là vô thường, cũng thường, cũng vô thường, chẳng phải thường,

chẳng phải vô thường, hữu biên, vô biên, cũng hữu biên, cũng vô biên, chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên, thân này là mạng, thân khác mạng khác. Sau khi Như Lai diệt độ tồn tại, không tồn tại, cũng tồn tại cũng không tồn tại, chẳng phải tồn tại, chẳng phải không tồn tại.

Phú-na lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Nay thấy có tội lỗi gì mà không nói như vậy?

Đức Phật bảo:

–Này Phú-na! Nếu có người nói thế gian là thường, chỉ đây là thật, ngoài ra là nói dối thì gọi đó là kiến. Thấy chỗ thấy gọi là kiến hành, gọi là kiến nghiệp, kiến trước, kiến phược, kiến khổ, kiến thủ, kiến bố, kiến nhiệt, kiến triền. Này Phú-na! Hàng phàm phu bị kiến chấp ràng buộc không thể xa lìa sinh, già, bệnh, chết, lưu chuyển trong sáu đường chịu vô lượng khổ. Cho đến chẳng phải “đi như vậy”, chẳng phải không “đi như vậy” cũng như vậy. Này Phú-na! Ta thấy kiến chấp này có lỗi như vậy, nên Ta không chấp, không nói cho người.

–Thưa Cù-đàm! Nếu thấy tội lỗi như vậy mà không chấp trước, không nói, thì thưa Cù-đàm! nay thấy gì, chấp gì, tuyên bố gì?

Đức Phật dạy:

Này thiện nam! Đã là kiến chấp thì gọi là pháp sinh tử. Như Lai đã xa lìa pháp sinh tử nên không chấp. Này thiện nam! Như Lai gọi là năng kiến, năng thuyết, không gọi là chấp trước.

–Thưa Cù-đàm! Thế nào là năng kiến? Thế nào là năng thuyết?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta có thể thấy rõ Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Tuyên nói rõ về Bốn đế này, vì Ta thấy như vậy nên xa lìa tất cả kiến chấp, tất cả ái, tất cả lưu, tất cả mạn. Do đó Ta đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, tịch tĩnh vô thường, được thân thường trụ. Thân này chẳng phải là Đông, Tây, Nam, Bắc.

Phú-na nói:

–Thưa Cù-đàm! Do duyên gì mà thân thường trụ chẳng phải là

Đông, Tây, Nam, Bắc?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nay Ta hỏi ông, tùy ý ông đáp. Thiện nam! Theo ý ông thì sao? Như ở trước ông đốt lửa lớn. Khi đang đốt lửa thì ông biết cháy không?

–Đúng vậy! Thưa Cù-đàm tôi biết lửa cháy.

–Lúc lửa ấy tắt, ông biết là lửa tắt không?

–Đúng vậy! Tôi biết lửa tắt.

–Này Phú-na! Nếu có người hỏi đống lửa trước mặt ông từ đâu mà cháy, tắt rồi đi về đâu thì ông sẽ đáp như thế nào?

–Thưa Cù-đàm! Nếu có người hỏi như vậy thì tôi sẽ đáp: Lửa này lúc sinh ra là nhờ các duyên, duyên cũ đã hết, duyên mới chưa tới thì lửa này tắt.

–Nếu có người hỏi, lửa này đã tắt đi đến chỗ nào, thì ông sẽ đáp ra sao?

–Thưa Cù-đàm! Tôi sẽ đáp: “Vì duyên hết nên lửa tắt chẳng đến chỗ nào”.

–Này thiện nam! Như Lai cũng như vậy, nếu có sắc vô thường cho đến thức vô thường, và do ái mà cháy lên, thì vì cháy lên mà phải thọ thân trong hai mươi lăm cõi. Do đó, lúc cháy có thể nói lửa này là Đông, Tây, Nam, Bắc. Hiện tại ái diệt thì quả báo hai mươi lăm cõi không còn cháy. Vì không cháy nên không thể nói Đông, Tây, Nam, Bắc. Này thiện nam! Như Lai đã diệt sắc vô thường cho đến thức vô thường, cho nên thân của Như Lai là thường. Thân nếu là thường thì không nói có Đông, Tây, Nam, Bắc.

Phú-na thưa:

–Xin nói một ví dụ. Mong Thế Tôn nghe cho.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Ông cứ tùy ý nói!

–Bạch Thế Tôn! Như ngoài thôn lớn có rừng Ta la. Trong rừng có một cây mọc trước đủ một trăm năm. Chủ rừng thường lấy nước tưới cho cây này, tùy theo thời tiết mà chăm sóc. Cây này già mục,

vỏ, lá, nhánh đều rơi mất chỉ còn lại lõi chắc. Như Lai cũng như vậy, những gì cũ hư đều trừ hết, chỉ còn có tất cả các pháp chân thật.

Bạch Thế Tôn! Nay con rất muốn xuất gia tu hành.

Đức Phật bảo:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Vừa nói xong, Phú-na được xuất gia, các lậu đã hết, chứng đắc quả A-la-hán.

Lại có Phạm chí tên Thanh Tịnh Phù nói:

–Thưa Cù-đàm! Tất cả chúng sinh do không biết pháp gì nên thấy thế gian là thường, vô thường, vừa thường, vừa vô thường, vừa chẳng phải thường, vừa chẳng phải vô thường, cho đến chẳng phải “đi như vậy”, chẳng phải không “đi như vậy”?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì không biết sắc cho đến không biết thức nên thấy thế gian là thường cho đến chẳng phải “đi như vậy”, chẳng phải không “đi như vậy”.

Phạm chí nói:

–Thưa Cù-đàm! Do chúng sinh biết pháp gì mà không thấy thế gian là thường cho đến chẳng phải “đi như vậy”, chẳng phải không “đi như vậy”?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì biết sắc cho đến biết thức nên không thấy thế gian là thường cho đến chẳng phải “đi như vậy”, chẳng phải không “đi như vậy”.

Phạm chí thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn phân biệt giảng nói cho con thế gian là thường, vô thường.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu người bỏ nghiệp cũ không gây tạo nghiệp mới thì người này có thể biết thường, vô thường.

Phạm chí thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông thấy thế nào? Biết thế nào?

–Bạch Thế Tôn! Nghiệp cũ là nói vô minh và ái, nghiệp mới là thủ và hữu. Nếu người xa lìa vô minh ái này, không tạo thủ và hữu thì người này thật biết thương, vô thường.

Con nay đã được chánh pháp nhãn tịnh, xin quy y Tam bảo. Xin Đức Như Lai cho con xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều-trần-như:

–Cho Phạm chí này xuất gia thọ giới.

Lúc ấy, Kiều-trần-như vâng lời Phật dạy, đến trong Tăng làm pháp Yết-ma cho Phạm chí xuất gia. Sau mười lăm ngày, dứt hết phiền não, chứng đắc quả A-la-hán.

